

BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

NHỮNG GHI CHÉP LIÊN QUAN ĐẾN BIỂN ĐÔNG VIỆT NAM
TRONG PHƯƠNG CHÍ TRUNG HOA (Tiếp theo)

Phạm Hoàng Quân*

LTS: Khảo luận này là một phần trong công trình nghiên cứu của tác giả Phạm Hoàng Quân. Nội dung chủ yếu của công trình là khảo chứng những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong các bộ *chính sử*, *phương chí* và *địa đồ cổ* của các triều đại phong kiến Trung Hoa. Mục đích của công trình một mặt nhằm sưu tập và khảo chứng các tư liệu cổ liên quan đến biển Đông để phục vụ lâu dài cho việc nghiên cứu về biển, đảo Việt Nam, mặt khác, nó còn cung cấp cho người đọc một cái nhìn hệ thống về cương vực vùng biển cực nam của Trung Quốc qua các thời kỳ lịch sử. Qua đó, người đọc dễ dàng nhận thấy các yêu sách của nhà cầm quyền Trung Quốc hiện nay về đường lưỡi bò trên biển Đông là hoàn toàn không có căn cứ lịch sử. Phần đầu của công trình này với nhan đề “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc” đã đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 1 (84). 2011; Kỳ 1 và 2 của Phần 2: “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong phương chí Trung Hoa” đã đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 3 (86) và số 4 (87). 2011.

IV. Địa phương chí

Địa phương chí liên quan trực tiếp đến vùng biển nam Trung Hoa là các phủ chí Quỳnh Châu. Theo biên chép trong *Dư địa kỷ thắng* (1221) thì vùng đảo này đã có chuyên thư về địa lý khá sớm, sách *Quỳnh quán chí* mà Vương Tượng Chi trích lục chỉ ít cũng ra đời sớm hơn *Dư địa kỷ thắng* vài mươi năm, cơ quan “Quỳnh quán an phủ đô giám” được thiết lập vào năm Tuyên Hòa thứ 5 (1123) và tên sách được đặt theo tên cơ quan này.⁽¹⁰⁵⁾

Trong *Quảng Đông thông chí*, quyển 63-Nghệ văn chí, thấy Quách Phi chép tên ba bộ, một bộ viết trong thời Nguyên là *Quỳnh Hải phương dư chí* 瓊海方輿志 của Sái Vi 蔡微; hai bộ thời Minh là *Quỳnh Đài ngoại kỷ*, 5 quyển 瓊臺外紀 五卷 của Vương Tá 王佐⁽¹⁰⁶⁾ và *Quỳnh Đài chí* 瓊臺志 của Đường Tru 唐胄.⁽¹⁰⁷⁾

Trong thời Thanh, phủ chí Quỳnh Châu được biên soạn và bổ biên nhiều lần. Dựa vào bộ *Quỳnh Châu phủ chí*, 44 quyển, 1 quyển *Thủ*, do Long Bân bổ san năm 1890 - qua các lời Tựa được sưu tập trong bộ này - cho thấy trước Long Bân đã có các bộ của Ngưu Thiên Túc (1676), Giả Đường (1706), Tiêu Ứng Thực (1774), Minh Nghị (1836), Trương Nhạc Tung (1841) và một người bổ biên khuyết danh (1866).⁽¹⁰⁸⁾

Các trích đoạn khảo sát trong phần này dựa vào bản Long Bân.⁽¹⁰⁹⁾

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 2. Mục lục *Quỳnh Châu phủ chí*

Mục lục <i>Quỳnh Châu phủ chí</i> (viết tắt <i>QCPC</i>) 44 quyển, 1 quyển Thủ, Long Bản, 1890	瓊州府志目錄 四十四卷, 首一卷
Quyển Thủ	卷首
Lời Tựa, Địa đồ, Bảng biểu	序圖表
Lời Tựa, gồm các bài:	序:
“Lời tựa soạn tiếp <i>QCPC</i> ” của Minh Nghị, tiến sĩ, Binh bị hai đạo Lôi Châu, Quỳnh Châu, Tri phủ Quỳnh Châu, không đề năm.	續修瓊州府志序, 明誼進士, 廣東雷瓊兵備道知瓊州府事
“Lời tựa soạn tiếp <i>QCPC</i> ” của Trương Nhạc Tung, đề năm Đạo Quang Tân Sửu [1841].	續修瓊州府志序, 張岳崧道光辛丑
“Lời tựa cho lần chỉnh sửa, bổ túc năm Khang Hy thứ 15 [1676]” của Ngưu Thiên Túc, tiến sĩ, Tri phủ.	康熙十五年重修志序, 牛天宿進士, 郡守
“Lời tựa cho lần chỉnh sửa, bổ túc năm Khang Hy thứ 45 [1706]” của Giả Đường, sinh viên Quốc tử giám, Tri phủ.	康熙四十五年重修志序, 賈棠歲貢, 郡守
“Lời tựa soạn tiếp năm Càn Long thứ 39 [1774]” của Tiêu Ứng Thực, sinh viên Quốc tử giám, Tri phủ.	乾隆三十九年續修志序, 蕭應植拔貢, 郡守
“Lời tựa cho lần khắc in thêm <i>QCPC</i> ” của Long Bản, Thự Tri phủ Quỳnh Châu, đề năm Quang Tự thứ 16 [1890].	補刊瓊州府志板序, 隆斌署瓊州府事, 光緒十六年
Địa đồ, khuyết	圖: [缺]
Bảng biểu, biểu diễn cách qua các đời	表: 歷代沿革表
Q.1. Dư địa chí	卷之一 輿地志
Thay đổi hành chánh, địa giới qua các đời	歷代沿革
Q.2. Dư địa chí	卷之二 輿地志
Không gian tương ứng giữa các chòm sao và vùng đất	星野, 氣候潮汐附
Khí hậu, phụ chép về thủy triều	
Q.3. Dư địa chí	卷之三 輿地志
Bờ cõi [phân chép Tứ chí bát đảo các châu / huyện]	疆域
Phong tục	風俗
Q.4. Dư địa chí	卷之四 輿地志
Núi sông, phụ chép hang, động, giếng, thác	山川巖洞井泉附
Thủy lợi	水利
Q.5. Dư địa chí	卷之五 輿地志
Sản vật	物產
Q.6. Kiến trí chí [Kiến trúc, xây dựng]	卷之六 建置志
Thành trì, phụ chép các công sở	城池公署附
Q.7. Kiến trí chí	卷之七 建置志
Trường học [trường Nho học công lập ở phủ, châu, huyện]	學校
Thư viện [di tích thư viện danh nhân, các trường học tư và trường hương học]	書院
Q.8. Kiến trí chí	卷之八 建置志
Các nơi hành lễ và đền thờ [công cộng]	壇廟
Q.9. Kiến trí chí	卷之九 建置志
Các khu dân cư, chợ	都市
Cầu cống, bến đò	橋渡
Q.10. Kiến trí chí	卷之十 建置志
Kho chứa lương thực	倉儲
Cổng tam quan, nhà bia kỷ niệm	坊表
Q.11. Kiến trí chí	卷之十一 建置志
Di tích xưa, khu mộ cổ, cơ sở từ thiện	古蹟 塋墓 養濟
Q.12. Kinh chính chí [Kinh tế, Hành chánh]	卷之十二 經政志
Tuyển cử, đề bạt	銓選
Lương bổng, phụ thêm quy chế tiền tệ	祿餉 錢法附

Q.13. Kinh chính chí

Hộ khẩu

Ruộng đất, phụ thêm đất tịch điền

Đồn điền

Phân loại đất trồng trọt

Thuế khóa, phụ thêm việc nộp thổ sản

Q.14. Kinh chính chí

Sản xuất muối

Thuế chăn nuôi, tiểu thủ công, thương nghiệp, dịch vụ... Phụ thêm quy chế giảm thuế

Q.15. Kinh chính chí

Quy chế tế tự Nho giáo [lễ hội công]

Nơi thờ Phật

Q.16. Kinh chính chí

Quy chế giáo dục

Q.17. Kinh chính chí

Chế độ, cơ cấu quân đội

Bưu chính

Quy chế quản lý tàu bè

Q.18. Hải Lê chí [việc biển và người Lê]

Việc phòng vệ biển

Khí tượng, thủy văn

Q.19. Hải Lê chí

Cướp biển

Các kiến nghị về phòng vệ biển

Q.20. Hải Lê chí

Tình hình người Lê

Thôn động [người Lê]

Q.21. Hải Lê chí

Cửa quan, cửa ải

Q.22. Hải Lê chí

Canh phòng người Lê, phụ chép các đợt trấn áp người Lê

Q.23-25. Chức quan chí

Cơ cấu quan lại

Q.26-28. Tuyển cử chí

Người tài được tiến cử, tiến sĩ, cử nhân, võ khoa, sinh viên Quốc tử giám, viên chức, võ quan, phong tặng cho con cháu danh thần công thần, chức tước thế tập

Q.29-32. Hoạn sự chí

Quan từ kinh đô điều đến [qua các thời, Hán đến Nguyên sơ lược,

Minh Thanh chép kỹ]

Thành tích chiến đấu

Quan bị đày đến

Người có danh từ nơi khác đến ở

Q.33-37. Nhân vật chí

Người hiền [Tống, Nguyên, Minh, Thanh]

Trung nghĩa, con tốt bạn tốt, có học, có tên trên văn đàn, kiên định, sáng suốt, ở ẩn, sống lâu chết đẹp, các bậc thầy [y, lý, số, khoa kỹ], đạo sĩ sư sãi, đàn bà con gái tiết hạnh.

Q.38-41. Nghệ văn chí

Sắc, biểu, sổ, ký, tự, truyện, thư, nghị, bạt, minh, tạp văn, tế văn, phú, thi. [Sưu tập]

卷之十三 經政志

戶口

土田 耕田附

屯田

科則

賦役 土貢附

卷之十四 經政志

鹽法

權稅豁除積弊附

卷之十五 經政志

祀典

釋奠

卷之十六 經政志

學制

卷之十七 經政志

兵制

郵政

船政

卷之十八 海黎志

海防

風潮

卷之十九 海黎志

海寇

防海條議

卷之二十 海黎志

黎情

村峒

卷之二十一 海黎志

關隘

卷之二十二 海黎志

防黎 撫黎附

卷之二十三至卷之二十五

職官志

卷之二十六至卷之二十八

選舉志

徵辟, 進士, 舉人, 武科, 貢選, 吏員, 營弁, 封贈.

卷之二十九至卷之三十二

宦師志

宦績明, 國朝

武功

謫宦

流寓

卷之三十三至卷之三十七

人物志

名賢宋, 元, 明, 國朝

忠義, 孝友, 儒林, 文苑, 篤行, 卓行, 隱, 耆舊旋壽附, 方伎,

仙釋, 列女

卷之三十八至卷之四十一

藝文志

勅, 表, 疏, 記, 序, 傳, 書, 議, 跋, 銘, 雜文, 祭文, 賦, 詩.

Q.42-44. Tạp chí

Sự kỷ [biên niên sự kiện trích từ chính sử và phương chí từ Hán đến Thanh]

Thư mục có liên quan qua các thời [phân Kinh, Sử, Tử, Tập]

Chép lại văn khắc trên đồng trên đá

Truyện kể dân gian

Chuyện lạ kỳ

Toàn bộ phân thành **10 chí**

卷之四十二至卷之四十四

雜誌

事紀, 藝文書目, 金石, 遺事,

紀異.

全部分十志

Khảo sát và trích dịch

Trích:

Q.1, Dư địa chí 1, Diên cách, tờ 9b [cuốn 1, tr.86]

“瓊州府本古雕題離耳二國漢武帝平南越遣軍往漲海洲上畧得之始置珠崖儋耳二郡督於交州 黃佐廣東通志圖經”

[瓊州府志, 卷之一, 輿地志-沿革, 第九頁後]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu vốn xưa là hai nước Điều Đề, Ly Nhĩ, lúc Hán Võ Đế dẹp yên Nam Việt sai quân vượt các châu trên Trường Hải mà lấy được, bắt đầu đặt hai quận Châu Nhai, Đam Nhĩ, cho thuộc Giao Châu, theo Hoàng Tá, *Quảng Đông thông chí* - Đồ kinh.”

Trích:

Q.2, Dư địa chí 3, Triều tịch, tờ 8b [cuốn 1, tr. 121]

“謝承後漢書曰交趾七郡貢獻皆從漲海出入則瓊之海其漲海乎 澄邁志.

南溟者天池也地極燠故曰炎海水恒溢故曰漲海沸海 文昌志”

[瓊州府志, 卷之二, 輿地志-潮汐, 第八頁後]

Dịch:

“Trong *Hậu Hán thư*, Tạ Thừa⁽¹¹⁰⁾ nói rằng ‘Bảy quận Giao Chỉ đến triều cống đều ra vào theo ngã Trường Hải’, tất biển Quỳnh Châu là Trường Hải vậy’, theo *Trừng Mai huyện chí*.

Biển nam là ao trời, nơi rất nóng gọi là viêm hải, nơi nước dâng rất cao gọi là trường hải, phí hải, theo *Văn Xương huyện chí*.”

Phân tích:

Ba đoạn trích dịch trên đây đề cập đến tên gọi Trường Hải, do Quỳnh Châu phủ chí trích lục từ ba nguồn. Một, từ mục Đồ kinh trong Quảng Đông thông chí của Hoàng Tá (Minh); hai, từ huyện chí huyện Trừng Mai; ba, từ huyện chí huyện Văn Xương.

Cả ba đoạn đều có liên quan đến tên gọi Trường Hải, hai đoạn xác định Trường Hải là vùng biển Quỳnh Châu. Trừng Mai là huyện nằm phía tây bắc Quỳnh Châu, vùng biển Trừng Mai giáp vùng biển bán đảo Lôi Châu và vùng biển vịnh Bắc Bộ [Việt Nam], huyện chí Trừng Mai viết về địa bàn bản huyện, việc huyện chí trích lục Tạ Thừa cũng do yếu tố liên quan nguồn gốc lịch sử của địa danh.

Văn Xương là huyện phía đông bắc Quỳnh Châu, huyện này nhìn ra vùng biển rộng lớn hơn so với huyện Trường Mai, huyện chỉ huyện Văn Xương nhắc đến trường hải với hàm nghĩa là một tỉnh từ [không phải địa danh].

Trích:

Q.3, Dư địa chí 4, Cương vực, tờ 1a [cuốn 1, tr. 125]

“瓊州地居海中東西距九百七十里南北距九百七十五里自徐聞渡海半日可至瓊爲都會居島之北儋居西陲崖居南陲萬居東陲內包黎峒萬山峻拔外匝大海遠接島夷諸國瓊筦古志云外匝大海接烏里蘇吉浪*[君按:各志作‘蘇木吉浪’]之州南則占城西則真臘交趾*[君按:各志作‘趾’]東則千里長沙萬里石塘北接雷州府徐聞縣蕭志東至萬州烏魚場海岸四百九十里南至崖州小洞天海岸一千一百三十里西至儋州羊浦海四百八十里北至環海鋪十里牛志”

[瓊州府志, 卷之三, 輿地志-疆域, 第一頁前]

Dịch:

“Quỳnh Châu ở trong biển, khoảng cách đông tây 970 dặm, nam bắc 975 dặm, từ huyện Từ Văn qua biển nửa ngày thì tới. [Phủ] Quỳnh Châu là nơi đô hội, ở phía bắc đảo, châu Đam ở rìa tây, châu Nhai ở rìa nam, châu Vạn ở rìa đông, [bốn nơi này] bao bọc động Lê. Núi non trùng điệp hùng vĩ, biển lớn vòng bên ngoài, phía xa tiếp giới hải đảo các nước. Sách *Quỳnh châu chí* xưa viết rằng: biển lớn vòng bên ngoài, tiếp các châu Ô Lý, Tô Cát Lãng*;⁽¹¹¹⁾ nam là Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chỉ*;⁽¹¹²⁾ đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc đến huyện Từ Văn phủ Lô Châu, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực. [Từ phủ lý] phía đông đến bờ biển bãi Ô Ngư châu Vạn 490 dặm, phía nam đến bờ biển nơi Tiểu Động Thiên châu Nhai 1130 dặm,⁽¹¹³⁾ phía tây đến biển Dương Phố châu Đam 480 dặm, bắc đến Hoàn Hải Phố 10 dặm, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Ngưu Thiên Túc.”

Trích:

Q.4, Dư địa chí 6, Sơn xuyên, tờ 15b [cuốn 1, tr. 180]

“文昌縣

七洲洋山在縣東百餘里大海中七峯連峙與銅鼓山相屬俱有石門上有山下有泉航海者皆於此樵汲元劉深追宋端宗獲俞如圭於此縣志[文昌]”

[瓊州府志, 卷之四, 輿地志-山川, 第十五頁後]

Dịch:

“Huyện Văn Xương

Thất Châu Dương Sơn ở trong biển lớn, cách phía đông huyện lý hơn trăm dặm, bảy ngọn nối nhau cùng với núi Đồng Cổ tiếp liền như cổng đá, trên có núi dưới có thác/suối, người đi biển thường ghé lấy củ lấy nước. Thời Nguyên, Lưu Thâm đuổi Tống Đoan Tông, bắt Du Như Khuê ở chỗ này, theo Huyện chí [Văn Xương].”⁽¹¹⁴⁾

Phân tích:

Tống Đoan Tông tức Cát Vương Triệu Thị, vị vua cuối cùng của nhà Tống, trong những tháng gượng gượng của triều đại này, Triệu Thị đóng hành cung tại vùng Quảng Châu. Tống sử chép: “Năm [Nguyên] Chí Nguyên

thứ 14 (1277), tháng 11, [Tả thừa] Tháp Xuất vây Quảng Châu. Ngày Canh Dần, Trương Chấn Tôn đem thành đầu hàng. Nguyên soái Lưu Thâm đem thuyền đuổi Thị đến Thiển Loan, Thị chạy ra Tú Sơn. Trần Nghi Trung chạy vào đất Chiêm Thành, cuối cùng không về được.

Ngày Bính Tý tháng 12, Thị đến Tĩnh Áo, gió bão to khiến nhiều thuyền vỡ chìm, Thị sanh bệnh. Hơn mười ngày thì quan binh mới dần tụ lại, mười phần chết hết bốn, năm. Ngày Đinh Sửu, Lưu Thâm đuổi Thị đến Thất Châu Dương, bắt Du Như Khuê rồi quay về.”

Huyện chí huyện Văn Xương đã tham khảo Tống sử, bổ sung sự kiện lịch sử vào thực địa, là điểm mới so với các ghi chép khác về Thất Châu Dương.

Bảng 3. Diễn biến các ghi chép về Thất Châu Dương

<i>Dư địa kỷ thắng</i> Vương Tượng Chi 1221	Q.124, Quỳnh Châu - Cảnh vật hạ “Thất Tinh Sơn, tại phía đông huyện Quỳnh Sơn, nơi giáp giới bờ biển huyện Văn Xương, trông như bảy vì sao. Thất Tinh Lĩnh, ở gần bờ biển huyện Văn Xương, thế như chuỗi ngọc”.
<i>Đại Minh nhất thống chí</i> Lý Hiền 1461	Q.82, Quảng Đông Bố chánh ty “Thất Tinh Sơn, ở gần bờ biển phía đông huyện Văn Xương, núi có bảy ngọn, trông như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn”.
<i>Quảng Đông thông chí</i> Quách Phỉ 1602	Q.57, Quận huyện chí “Phủ Quỳnh Châu - Núi sông Huyện Văn Xương, cách về phía bắc huyện lỵ 150 dặm là Thất Tinh Sơn, dưới là nơi bung ra thác Thất Tinh, ở trong biển lớn, bảy ngọn liền nhau, còn có một tên là Thất Châu Dương Sơn, dưới có suối nước ngọt, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước, ở phía đông, thác Thất Tinh đổ ầm ào ngày đêm không dứt”.
<i>Quảng Đông thông chí</i> Hách Ngọc Lân 1731	Q.13, Sơn xuyên chí “Huyện Văn Xương Thất Tinh Sơn cách phía tây bắc huyện lỵ 150 dặm, các thông chí cũ nói ở phía đông huyện lỵ, lầm, ra ngoài biển, cao 500 trượng, bảy ngọn như bảy vì sao liền như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn, trong niên hiệu Thiên Khải nhà Minh, dựng tháp trên đó”.
<i>Gia Khánh trùng tu nhất thống chí</i> Mục Chương A 1842	Q. 452. Quỳnh Châu phủ - Sơn xuyên “Thất Tinh Sơn ở phía bắc huyện Văn Xương, sách <i>Dư địa kỷ thắng</i> chép rằng bờ biển nơi địa giới huyện Văn Xương [có 7 ngọn] như 7 vì sao làm thành chuỗi ngọc, <i>Minh thống chí</i> chép núi có 7 ngọn có tên là Thất Châu Dương Sơn, sách <i>Thông chí</i> chép rằng núi này cách huyện lỵ Văn Xương về phía bắc 150 dặm, ở ngoài biển khơi, trên có rừng cây tươi tốt, dưới có khe ngòi, là nơi người đi biển ghé lấy củi lấy nước. Khoảng những năm Thiên Khải thời Minh [1621-1627] có dựng tháp nơi ấy, ở [ngọn núi] mé đông có suối 7 dòng, ngày đêm ầm ào không dứt”.
<i>Quỳnh Châu phủ chí</i> Long Bản 1890	Q.4, Dư địa chí - Sơn xuyên “Huyện Văn Xương Thất Châu Dương Sơn ở trong biển lớn, cách phía đông huyện lỵ hơn trăm dặm, bảy ngọn nối nhau cùng với núi Đồng Cổ tiếp liền như cổng đá, trên có núi dưới có thác/suối, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước. Thời Nguyên, Lưu Thâm đuổi Tống Đoan Tông, bắt Du Như Khuê ở chỗ này”.

Trích:

Q.4, Dư địa chí 6, Sơn xuyên, tờ 32b [cuốn 1, tr. 214]

“萬州

長沙海石塘海俱在城東外洋古志云萬州有千里長沙萬里石塘然俱在外海海舟觸沙立碎入港多無出者人不敢近莫稽其實⁽¹¹⁵⁾蕭志”

[瓊州府志, 卷之四, 輿地志-山川, 第三十二頁後]

Dịch:

“Châu Vạn

Biển Trường Sa, biển Thạch Đường đều phía đông ly sở châu, trong đại dương bên ngoài. Phương chí xưa viết rằng: ‘châu Vạn có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’ nhưng đều ở biển ngoài, thuyền đi biển vướng cát ắt vỡ, lọt vào cửa ấy phần nhiều không ra được, người không dám đến gần [nên] không xét rõ sự thật được, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực”

Phân tích:

Hách chí đã viết: “Biển Trường Sa - biển Thạch Đường, đều ở phía đông trị sở châu, nơi đại dương bên ngoài biển, phương chí xưa viết rằng: ‘Vạn Châu có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhưng đều ở biển ngoài, không xét rõ sự thật được”. Quỳnh Châu phủ chí của Tiêu Ứng Thực soạn xong sau Hách chí 44 năm, thêm vào một đoạn: “thuyền đi biển vướng cát ắt vỡ, lọt vào cửa ấy phần nhiều không ra được, người không dám đến gần”, ghi chép này có thể gọi là thêm hư vào hư. Bắt đầu từ thời Tống cho đến gần cuối thời Thanh, Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường vẫn mang tính truyền thuyết.

Bảng 4. Diễn biến các ghi chép về Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường

<i>Dư địa kỷ thắng</i> , Vương Tượng Chi, 1221, dẫn <i>Quỳnh quán chí</i> [~ 1140]	<i>Quảng Đông thông chí</i> , Hách Ngọc Lân 1731	<i>Quảng Đông thông chí</i> , Hách Ngọc Lân 1731	<i>Quỳnh Châu phủ chí</i> , Long Bân, 1890, dẫn Tiêu Ứng Thực [1774]
Q. 127 Quân Cát Dương, Hình thắng “ <i>Quỳnh quán chí</i> viết: ‘ngoài là các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng, cùng đối ngang với Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chỉ; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, trên dưới mờ mịt, ngàn dặm một màu, thuyền bè qua lại, chim bay gần bên đầu bên cổ mà không thấy sợ’.	Q. 4 Cương vực chí “ <i>Phủ Quỳnh Châu...</i> Sách <i>Quỳnh quán chí</i> xưa viết rằng: biển lớn vòng bên ngoài, tiếp các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng; nam là Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chỉ; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc đến huyện Từ Văn phủ Lô Châu”.	Q. 13 Sơn xuyên chí “Châu Vạn Biển Trường Sa, biển Thạch Đường, đều ở phía đông trị sở châu, nơi đại dương bên ngoài biển, phương chí xưa viết rằng: ‘Châu Vạn có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhưng đều ở biển ngoài, không xét rõ sự thật được”.	Q. 4 Dư địa chí “Châu Vạn Biển Trường Sa, biển Thạch Đường đều phía đông ly sở châu, trong đại dương bên ngoài. Phương chí xưa viết rằng: ‘Châu Vạn có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’ nhưng đều ở biển ngoài, thuyền đi biển vướng cát ắt vỡ, lọt vào cửa ấy phần nhiều không ra được, người không dám đến gần [nên] không xét rõ sự thật được”.

Trích:

Q.4, Dư địa chí 6, Sơn xuyên, tờ 36b, 37b [cuốn 1, tr. 222, 224]

“崖州

試劍峰在城南二十里海濱山有巨石高二丈餘宋毛奎題小洞天三字刻石上南有一石臨海題曰釣臺東爲大洞天有石室題曰海山奇觀旁有一石題曰仙梯下有靈應泉禱雨多應蕭志”

“大小玳瑁洲大洲在東海中小洲在西海中蕭志”

[瓊州府志, 卷之四, 輿地志-山川, 第 三十六頁後-三十七頁後]

Dịch:

“Châu Nhai

Thí Kiếm Phong cách phía nam trị sở châu 20 dặm, sát biển, núi này có khối đá lớn cao hơn 2 trượng, người thời Tống là Mao Khuê viết ba chữ “Tiểu Động Thiên” khắc lên đó, phía nam có khối đá vươn ra biển viết chữ “Điếu Đài”, phía đông là Đại Động Thiên có hang đá viết chữ “Hải Sơn Kỳ Quan”, bên cạnh có một tảng đá viết chữ “Tiên Thê”, dưới là suối Linh Ẩn, cầu mưa rất ứng nghiệm, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực.

Đại Tiểu Đại Mạo Châu, Đại Châu ở phía đông, trong biển, Tiểu Châu ở phía tây, trong biển, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực”.

Phân tích:

Đoạn này Tiêu Ứng Thực chép lại gần như trọn vẹn nội dung từ Hách chí, chỉ khác cách dùng tên núi đặt ở đầu mục, Hách chí đề đầu mục là Vạn Nhận Phong, Tiêu chí đề Thí Kiếm Phong, hai địa danh này ở cùng một vùng núi nên không sai, Tiêu bổ sung thêm suối Linh Ẩn và việc cầu mưa.

Trích:

Q.18, Hải Lê chí 1, Hải phòng, tờ 3a-3b [cuốn 3, tr. 937]

“崖州協水師營分管洋面東自萬州東澳港起西至昌化縣四更沙止共巡洋面一千里南面直接暹邏占城夷洋西接儋州營洋界東接海口營洋界”

[瓊州府志, 卷之十八, 海黎志-海防, 第三頁]

Dịch:

“Hiệp Thủy sư doanh châu Nhai quản lý phần mặt biển: phía đông bắt đầu từ cảng Đông Áo châu Vạn đến phía tây nơi Tứ Canh Sa huyện Xương Hóa thì dừng, mặt biển tuần tra cộng một ngàn dặm. Mặt phía nam thẳng tiếp biển Di, Xiêm La, Chiêm Thành, tây tiếp ranh giới biển doanh Đàm Châu, đông tiếp ranh giới biển doanh Hải Khẩu.”

Phân tích:

Theo tuyến đường biển vận tải ngày nay, từ cảng Tam Á đến cảng Đông Áo [11°20' độ kinh đông - 18°40' độ vĩ bắc, thuộc thành phố Vạn Ninh] khoảng 150km, từ cảng Tam Á đến Tứ Canh Sa [108°35' độ kinh đông - 19°20' độ vĩ bắc, khoảng giữa cảng Bát Sở và cảng Bắc Lê] khoảng 250km, cộng 2 tuyến 400km. Một dặm thời Thanh = 576m; 1.000 dặm Thanh = 576km. Con số dôi ra 176km ứng với các đoạn đường quanh co trong công tác tuần tra.

Trích:

Q.18, Hải Lê chí 1, Hải phòng, tờ 8a [cuốn 3, tr. 947]

“崖州海防

...大蜑港東一百里有三亞港可泊大船十*[君按:原本作大,誤]餘隻遇北風多於此下碇港內有崖州協水師汛防及砲臺南距二十里曰東玳瑁洲曰螞蝗洲均不可泊船”

[瓊州府志, 卷之十八, 海黎志-海防, 第八頁前]

Dịch:

...Phía đông cảng Đại Đảo 100 dặm là cảng Tam Á, [nơi này] có thể đậu hơn 10 thuyền lớn,⁽¹¹⁶⁾ gặp gió đông bắc thổi mạnh phần lớn [các thuyền] bỏ neo ở đây, trong cảng là nơi trú đóng và đặt pháo đài của Hiệp Thủy sư châu Nhai, cách về phía nam 20 dặm là Đông Đại Mạo Châu là Mã Hoàng Châu, [hai nơi này] đều không thể đậu thuyền.

Nhận xét

Như nhiều địa phương chí khác, Quỳnh Châu phủ chí có giá trị đặc biệt bởi tính chuyên nhất và sâu sát thực địa về một địa bàn nhỏ. Các biên chép không mâu thuẫn với tổng chí và thông chí mà chúng chỉ mở rộng hơn các thông tin vốn được ghi nhận giản lược bởi các nhóm biên soạn từ xa.

Quỳnh Châu Phủ chí trích tuyển ba điều về vùng biển mang tên Trướng Hải, ba điều này nói rõ được về lịch sử địa danh, vị trí và tính chất của Trướng Hải. Điểm này có thể làm cơ sở để cải chính các kết luận sai lạc về không gian vùng biển Trướng Hải trong nhiều nghiên cứu gần đây.

Ghi chép về Thất Châu Dương rõ ràng, vị trí địa lý thống nhất với tổng chí và thông chí.

Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường được ghi chép với tính cách lưu giữ truyền thuyết, không xác định vị trí và cũng không gợi ý phỏng đoán.

Ra đời vào thời điểm cuối nhà Thanh, Quỳnh Châu phủ chí góp phần củng cố các nhận định, xác định về cương giới biển mà Nhất thống chí thời Gia Khánh và các thông chí qua hai triều Minh, Thanh đã đề cập. Do được biên soạn sau cùng, Quỳnh Châu phủ chí cho thấy rằng, không có thay đổi nào đáng kể về phạm vi quản lý hành chính, cũng không thấy ghi chép về hoạt động dân sự mở mang khai thác hoặc thủy quân hoạt động tuần tra đối với các hải đảo xa hơn Đại Mạo Châu phía cực nam châu Nhai.

V. Tổng luận

Bảng 5. Danh mục các phương chí chủ yếu đã khảo sát, trích dịch

	Tên sách	Tác giả	Năm thành sách	Loại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nguyên Hòa quận huyện đồ chí Nhập Tứ khổ toàn thư - Sử bộ, Địa lý loại - Tổng chí	Lý Cát Phủ	813	Tổng chí, Sắc tuyển
2	Nguyên Hòa quận huyện bổ chí	Nghiêm Quan, Nghiêm Tiến Phủ	1775 [Đặc cách] ⁽¹¹⁷⁾	Bổ tổng chí, Tư tuyển

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	<i>Thái Bình hoàn vũ ký</i> Nhập Tứ khổ toàn thư - Sử bộ, Địa lý loại - Tổng chí	Nhạc Sử	976-983	Tổng chí, Tư tuyển
4	<i>Nguyên Phong cứu vực chí</i> Nhập Tứ khổ toàn thư - Sử bộ, Địa lý loại - Tổng chí	Vương Tồn	1080	Tổng chí, Sắc tuyển
5	<i>Dư địa quảng ký</i> Nhập Tứ khổ toàn thư - Sử bộ, Địa lý loại - Tổng chí	Âu Dương Văn	1111-1117	Tổng chí, Tư tuyển
6	<i>Dư địa kỷ thắng</i>	Vương Tượng Chi	1221	Tổng chí, Tư tuyển
7	<i>Đại Minh nhất thống chí</i> Nhập Tứ khổ toàn thư - Sử bộ, Địa lý loại - Tổng chí	Lý Hiến	1461	Tổng chí, Sắc tuyển
8	<i>Quảng Đông thông chí</i>	Quách Phỉ	1602	Thông chí, Quan tu
9	<i>Quảng Đông thông chí</i> Nhập Tứ khổ toàn thư - Sử bộ, Địa lý loại - Đô hội quận huyện	Hách Ngọc Lân	1731	Thông chí, Sắc tuyển
10	<i>Khâm định Đại Thanh nhất thống chí</i> Nhập Tứ khổ toàn thư - Sử bộ, Địa lý loại - Tổng chí	Hòa Thân	1763	Tổng chí, Sắc tuyển
11	<i>Quảng Đông thông chí</i>	Nguyễn Nguyên, Trần Xương Tề	1822	Thông chí, Sắc tuyển
12	<i>Gia Khánh trùng tu nhất thống chí</i>	Mục Chương A, Lý Tá Hiến	1842	Tổng chí, Sắc tuyển
13	<i>Quỳnh Châu phủ chí</i>	Long Bân	1890	Địa phương chí, Quan tu

Theo trình tự lịch đại, khảo luận này trải dài trong hơn một ngàn năm, với địa bàn nghiên cứu trọng tâm là vùng biển cực nam Trung Hoa. Những phương chí đã khảo sát có quy mô và hình thức ký tải khác nhau, từ những ghi chép đơn sơ thời Đường, Tống, dữ liệu về các vùng địa lý, các vị trí địa lý được cập nhật dần, cho đến cuối đời Thanh thì diện mạo tổng quan và những đặc thù từng nơi đạt đến độ hoàn chỉnh.

Trong phạm vi học thuật, qua phần đề yếu 13 bộ chính và gần mười bộ hữu quan khác, phối hợp với các mục lục phương chí tiêu biểu đã trích lục trọn vẹn [Bảng 1 và 2], chúng ta có thể hình dung được tiến trình từ sơ khởi đến hoàn thiện của loại hình phương chí Trung Hoa. Đến sau thế kỷ XV, phương chí dần chuyển theo hướng tập trung dữ liệu hỗn hợp và điều này đã khiến chúng trở thành nơi cất chứa nhiều sử liệu quý, có giá trị nhiều mặt trong việc tìm hiểu lịch sử các mô hình chính trị, các hoạt động xã hội và những đặc trưng văn hóa trong từng triều đại. Đối với thông chí Quảng Đông - ngoài những dữ liệu được thu thập theo tiêu chí chung như những tỉnh khác - do điều kiện địa lý và quan hệ giao thương, nó còn bổ sung cho chính sử nhiều tư liệu mang tính thực địa về mối tương quan với các nước lân cận và ra xa phía biển bên ngoài. Quỳnh Châu nằm ở thế “trong Lê ngoài biển”, tình trạng sắc tộc, vấn đề biển cả với sóng dữ và cướp biển là mối quan ngại triền miên của triều đình và các quan trấn nhậm thể hiện rõ trong *Quỳnh Châu phủ chí*, ngoài những biên chép tập trung trong năm

quyển Hải Lê chí, chúng còn phân tán trong nhiều chí nhiều quyển khác. Các đặc trưng về văn hóa biển, văn hóa sắc tộc, tâm lý quan lại... ẩn chứa trong các tư liệu thông chí Quảng Đông và phủ chí Quỳnh Châu có thể là một đề tài nghiên cứu hấp dẫn.

Các ghi chép trong phương chí thể hiện tính liên kết, các điều mục được trích lục đan xen bởi ba loại phương chí, nên việc phân thành ba loại (tổng chí, thông chí, địa phương chí) chỉ là trên hình thức nhằm tạo sự thuận lợi trong việc hệ thống hóa các dữ liệu. Qua đối chiếu những ghi chép trong nhiều phương chí về cùng một đối tượng địa lý, kết quả cho thấy các ghi chép chỉ khác đôi chút về cách diễn đạt, nội dung thông tin phần lớn được giữ trọn vẹn, tuy có trường hợp một mẫu thông tin bị chia hoặc bị cắt nhưng việc chia cắt đã không làm hiểu sai vấn đề. Trên cùng một địa bàn, dữ liệu được sử dụng trong ba loại phương chí không tách rời, nguồn thông tin được dẫn dắt qua lại, bổ túc cho nhau và tạo thành một khối tư liệu nhiều mặt về một địa bàn, một vị trí cụ thể nào đó [Bảng 3 và 4].

Cũng phải kể đến tính kế thừa, chuyển tiếp tư liệu trong tinh thần nghiêm túc của các tác giả phương chí, các trích dẫn của những nhóm biên soạn về sau đa số đều lưu giữ nguồn thông tin trước, các ghi chép cập nhật được tách biệt. Ưu điểm này đã giúp cho khối tư liệu tích lũy lâu đời càng dày dặn mà không lẫn lộn, vừa bảo lưu được bề dày văn hiến vừa tạo thuận lợi cho việc xác minh, kiểm chứng của người sau. Qua bộ *Quỳnh Châu phủ chí-1890*, người ta không chỉ biết đến khoảng hai mươi bộ phương chí trước đó, bốn mươi bộ sử thư có liên quan mà còn đọc được nguyên văn trích từ các sách ấy, lúc này, nó như là nơi gián tiếp đưa người đọc đến với dữ liệu gốc. Có thể xem đây là một hình thức hệ thống hóa tư liệu, qua đó thấy được trình tự diễn biến tư liệu, và cũng thấy được những điểm sai lầm của phương chí trước qua phần đính chính của các phương chí sau. Ưu điểm này không riêng trong loại hình phương chí Trung Hoa, mà còn là đặc điểm nổi bật trong sử học và nhiều ngành học thuật cổ truyền khác.

Có mối liên thông với chính sử nên phương chí được mệnh danh là địa phương sử / khu vực sử. Trên đại thể, phương chí lấy đất đai làm cương, theo dõi những hoạt động trên một khu vực hành chánh. Chính sử lấy sự kiện làm cương, địa phương nào có việc nổi bật hoặc can hệ đến quốc sự thì mới được nhắc đến, như việc Tống Đoan Tông trên đường bôn tẩu ghé qua mà Thất Châu Dương được chép tên vào *Tống sử*. Chính sử lập chuyên đề cho cả nước nên việc biên chép về một nơi nào đó vừa phân tán vừa sơ lược, Thiên văn chí và Luật lịch chí trong *Nguyên sử* chép về sự ứng hợp chòm sao với đất đai [phân dã] Quỳnh Châu, về vĩ độ bắc Nam Hải... khó có thể tường tận và chính xác hơn phủ chí. Khác với chính sử, với lợi thế là những ghi chép thực địa, ghi nhận đương thời, phương chí là nguồn tư liệu tham khảo tin cậy cho các nhà làm sử.

Xuất phát từ nhu cầu quản lý đất đai, con người và tài sản, phương chí loại tổng chí được xem là loại sách phục vụ chính trị, nó gắn liền với sự ổn định hoặc những biến động cương vực trong suốt quá trình cai trị của một triều đại. Thông chí và địa phương chí được thực hiện vừa nhằm phục vụ

yêu cầu quản lý hành chính tại chỗ vừa để gởi về triều đình như một báo cáo tổng hợp về tình hình địa phương. Đặc điểm này khiến các nhà nghiên cứu địa-chính trị hiện đại xếp hạng phương chí vào loại có giá trị rất cao.

Như mục đích nghiên cứu đã nêu ở lời Đề dẫn, các tư liệu được trích dịch trong khảo luận này nhằm vào việc sưu tập tư liệu liên quan đến vùng biển phía nam Trung Hoa và biển Đông Việt Nam. Những phân tích cần thiết đã trình bày sau mỗi đoạn văn bản. Dưới đây là mấy điểm xuyên suốt và nổi bật cần được nhắc lại để đi đến kết luận:

- Địa danh Trường Hải, được *Quỳnh Châu phủ chí* xác định là vùng biển Quỳnh Châu, hoặc chỉ là một danh từ chung để chỉ nơi nước biển dâng rất cao.

- Địa danh loại đảo danh/hải danh như Thất Tinh Sơn, Thất Châu Dương Sơn, Thất Châu Dương, được ghi nhận liên tục từ Tống đến cuối Thanh qua nhiều bộ tổng chí, thông chí và địa phương chí, cho thấy quá trình chuyển biến tên gọi và xác định là nơi phía đông bắc huyện Văn Xương, nay là quần đảo Taya (Thất Châu Liệt Đảo).

- Địa danh Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, đầu tiên được nhắc đến vào thời Tống, để chỉ những nơi xung quanh, với ý nghĩa thể hiện sự tương tiếp về không gian địa lý rộng, nhưng chỉ qua lời kể, không xác định được vị trí. Sau nhiều đời, thông tin được chép lại có biến đổi, chuyển thành hải danh Trường Sa Hải, Thạch Đường Hải, cho đến cuối Thanh, *Quỳnh Châu phủ chí* vẫn cho là “nơi không biết rõ sự thật được”

Điểm cực nam Trung Hoa, các tổng chí, thông chí và địa phương chí thống nhất xác định địa phương cực nam Trung Hoa là châu Nhai thuộc phủ Quỳnh Châu; vùng đất địa đầu về phía cực nam là núi Thí Kiếm Phong [Vạn Nhận Phong] nơi có kỳ quan Đại Tiểu Động Thiên, cách lỵ sở châu Nhai khoảng hai mươi dặm về phía nam; vùng đảo/bãi xa bờ là Đại Đại Mạo Châu [Đông Đại Mạo Châu, Đông Châu], cách lỵ sở châu Nhai hai mươi dặm về phía đông.⁽¹¹⁸⁾

Gò Vấp tháng 2/2011, Phú Nhuận tháng 7/2011

P H Q

CHÚ THÍCH

- (105) Xem chú thích 60, trang 78, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 3 (86). 2011.
- (106) *Quỳnh Hải phương dư chí* và *Quỳnh Đài ngoại kỷ* đã mất, còn lưu một số điều do các phương chí sau này trích lục.
- (107) *Quỳnh Đài chí* được khắc in trong niên hiệu Chính Đức (1506-1521) nên các sách thư mục gọi là *Chính Đức Quỳnh Đài chí*, 44 quyển, hiện còn 40 quyển, mất các quyển 22, 23, 43, 44 [theo *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, sdd]. Được biết sách này đã xuất bản, do Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1964 (ảnh ấn theo bản Ninh Ba Thiên Nhất Các).
- (108) Trong số các bộ này, *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, sdd, chỉ ghi nhận 2 bộ: 1) *Quỳnh Châu phủ chí*, 10 quyển, Ngưu Thiên Túc, Chu Tử Hư và nhiều tác giả, khắc in trong niên hiệu Khang Hy; 2) *Quỳnh Châu phủ chí*, 10 quyển, Tiêu Ứng Thực, Trần Cảnh Huân soạn tu, khắc in trong niên hiệu Càn Long.
- (109) *Quỳnh Châu phủ chí*, 44 quyển và quyển *Thủ*, Lữ Đài Hải Nam đồng hương hội ảnh ấn bản, không ghi năm, đóng thành 5 cuốn, đánh thêm số trang Ả Rập liên tục cho 5 cuốn [2.324 trang], Mục lục ghi có địa đồ nhưng trên sách không thấy.

- (110) *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa khác với bộ chính sử *Hậu Hán thư* của Phạm Diệp-Tư Mã Bưu. Viết về thời Đông Hán, ngoài bộ chính sử còn có 7 bộ khác [xếp vào loại biệt sử], của Tạ Thừa là một. Người thời Thanh là Uông Văn Đài 汪文臺 gom bảy bộ làm thành một sách, đề tên là *Thất gia Hậu Hán thư*, 21 quyển.
- (111) Nguyên văn địa danh này trong *Dư địa kỷ thắng* qua các trích lục khác thấy viết là “Tô Mộc, Cát Lăng”, *Quỳnh Châu phủ chí* trích lục thiếu chữ Mộc.
- (112) Chữ Chỉ bộ Phụ 趾, xét cách viết chữ Chỉ [tên nước Giao Chỉ] trong các tổng chí và thông chí qua các đoạn đã trích hầu hết thấy viết chữ Chỉ bộ Túc 趾.
- (113) Ngưu Thiên Túc lấy con số dặm đường theo *Đại Minh nhất thống chí*, tức từ phủ lý Quỳnh Châu đến lý sở châu Nhai 1.110 dặm [xem chú 102], cộng thêm 20 dặm đến Tiểu Động Thiên.
- (114) *Tống sử*, quyển 47, Bản kỷ 47, Doanh quốc công, phụ Nhị vương. Bản in THPTC cuốn 3, tr. 939, 943-944. Xem nguyên văn tại *Tống sử* hoặc xem Phạm Hoàng Quân, “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1(84). 2011 [trang 66].
- (115) Trong bản in tôi tham khảo, đoạn văn: “沙立碎入港多無出者人不敢近莫稽其實” có dấu cắt rập từ bản thảo trước khi in, đây cũng là nội dung được chen vào một đoạn: “沙立碎入港多無出者人不敢近” so với bản *Hách chí*.
- (116) Nguyên văn viết: “khả bạc đại thuyền đại dư chích / 可泊大船大餘隻”, có lẽ chữ **đại** bị sai từ chữ **thập**.
- (117) Bộ này đáng lẽ phải phải nằm ở số thứ tự 10 trong bảng biểu [theo năm thành sách], nhưng vì có quan hệ gắn kết với *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí* nên đặt làm ngoại lệ.
- (118) Vài liên hệ mở rộng để tham khảo thêm về địa điểm cực nam Trung Hoa, trên phương diện học thuật - tương ứng bối cảnh cuối nhà Thanh và đồng thể loại phương chí - có thể tham khảo *Thanh quốc địa chí* (1881) của học giả người Nhật Ngạn Điền Ngâm Hương 岸田吟香 [Kishida Ginko], trong bài “Thanh quốc dư địa tổng thuyết”, điểm tận cùng cực nam nước Thanh được xác định là châu Nhai với vị trí 18°13'. [Bản in năm Minh Trị Tân Ty, Đông Kinh lạc thiện đường, 3 cuốn]. Trên cơ sở chính thống nhà Thanh, có thể tham khảo *Hoàng triều trung ngoại nhất thống dư đồ*, [Bản tâm sách đề *Đại Thanh nhất thống dư đồ*], quyển Trung, quyển Trung, 10 quyển Nam, 20 quyển Bắc. Quốc Sử Quán Biên tu Hồ Lâm Dực 胡林翼 soạn, Bình Bộ Thị lang Nghiêm Thụ Sâm bổ đính. Đồng Trị nhị niên (1863), Hồ Bắc phủ thự cảnh hoàn lâu khắc in và giữ bản khắc [皇朝中外壹統輿圖-三十一卷首一卷, 光祿大夫振威將軍兵部侍郎嚴樹森撰, 同治二年鐫, 板藏湖北撫署景桓樓]; hoặc *Càn Long phủ sảnh châu huyện đồ chí*, 50 quyển, (1788) Hàn Lâm Học sĩ Quốc Sử Quán Toàn tu Hồng Lượng Cát soạn, Quang Tự ngũ niên (1879), Thọ Kinh Đường trùng san. [乾隆府廳州縣圖志-五十卷, 國史館纂修洪亮吉撰, 光緒五年授經堂重刊]

THƯ MỤC THAM KHẢO

Đồ tịch cổ đại

1. *Thập tam kinh chú số, phụ Hiệu khám ký, 416 quyển* (Thanh), Nguyễn Nguyên hiệu khắc, Trung Hoa thư cục ảnh ấn bản, 1979 (2 cuốn).
十三經注疏附校勘記, 四百十六卷(清), 阮元校刻, 中華書局影印 1979 (上下二巨冊).
2. *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí, 34 quyển* (Đường), Lý Cát Phủ soạn, bản Kim Lăng thư cục hiệu san, Quang Tự lục niên (1880).
元和郡縣圖志, 三十四卷(唐), 李吉甫撰, 金陵書局校刊, 光緒六年工竣.
3. *Nguyên Hòa quận huyện bổ chí, 9 quyển* (Thanh), Nghiêm Quan-Nghiêm Tiến Phủ tục soạn, bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882).
元和郡縣補志, 九卷(清), 嚴觀-嚴進甫撰, 光緒八年二月, 金陵書局刊行.
4. *Thái Bình hoàn vũ ký, 193 quyển* (Tống), Nhạc Sử soạn, bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882); bản in Vạn Đình Lan, Gia Khánh bát niên (1803).
太平寰宇記, 一百九十三卷(宋), 樂史撰, 光緒八年五月金陵書局刊行; 萬廷蘭本, 嘉慶八年.
5. *Nguyên Phong cửu vực chí, 10 quyển* (Tống), Vương Tồn soạn, bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882).
元豐九域志, 十卷(宋), 王存撰, 光緒八年五月, 金陵書局刊行.

6. *Dư địa quảng ký, 38 quyển* (Tống), Âu Dương Văn soạn, Kim Lăng thư cục hiệu san, Quang Tự lục niên (1880).
輿地廣記, 三十八卷(宋), 歐陽忞撰, 金陵書局校刊, 光緒六年工竣.
7. *Dư địa kỷ thắng, 169 quyển* (Tống), Vương Tường Chi soạn, bản in Cụ Doanh Trai, theo bản sao thời Tống của Văn Tuyền Lâu, năm Đạo Quang thứ 29 (1849).
輿地紀勝, 一百六十九卷(宋), 王象之撰, 道光二十九年秋八月, 懼盈齋刊板文選樓影宋鈔本.
8. *Phương dư thắng lãm, 70 quyển* (Tống), Chúc Mục soạn, bản Văn Uyên Các-Tứ khối toàn thư, năm Càn Long thứ 43 (1778).
方輿勝覽, 七十卷(宋), 祝穆撰, 四庫全書文淵閣本[乾隆四十三年進入].
9. *Thiên hạ nhất thống chí, 91 quyển* (Minh), Lý Hiền chủ biên, bản in khắc Vạn Thọ Đường, năm Thiên Thuận thứ 5 (1461).
天下一統志, 九十一卷(明), 李賢等撰, 天順五年, 萬壽堂刊行.
10. *Quảng Đông thông chí, 72 quyển, 1 quyển Thủ* (Minh), Quách Phỉ soạn, lời Tựa đề năm Vạn Lịch Nhâm Dần (1602), khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619).
廣東通志, 七十二卷首一卷(明), 郭斐撰, 序題萬曆壬寅, 萬曆間刊行.
11. *Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu, 15 quyển* (Minh), Cổ Sung soạn, Diệp Cận Sơn san hành, bản in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619).
皇明一統紀要, 十五卷(明), 顧充撰, 葉近山刊行, 萬曆新科.
12. *Quảng dư ký, 25 quyển* (Minh), Lục Ứng Dương soạn - (Thanh) Sái Phương Bính tăng bổ, bản in năm Khang Hy Bính Dần (1686).
廣輿記, 二十五卷(明), 陸應陽撰-(清)蔡芳炳曾補, 康熙丙寅刊版.
13. *Quảng Đông thông chí, 64 quyển, 1 quyển Thủ* (Thanh), Hách Ngọc Lân chủ biên, làm xong năm Ung Chính thứ 9 (1731), nhập Tứ khối toàn thư năm Càn Long thứ 46 (1781).
廣東通志, 六十四卷首一卷(清), 郝玉麟監修, 雍正九年成, 乾隆四十六年進入四庫全書.
14. *Khâm định Đại Thanh nhất thống chí, 424 quyển, mục lục 2 quyển* (Thanh), Hòa Thân chủ biên (1763), bản Văn Uyên Các-Tứ khối toàn thư (1784).
欽定大清一統志, 四百二十四卷, 和坤監修(乾隆二十八年), 四庫全書文淵閣本(乾隆四十九年).
15. *Gia Khánh trưng tu nhất thống chí, 560 quyển*, Mục Chương A-Lý Tá Hiền chủ biên, Đạo Quang năm thứ 22 (1842). Bản ảnh ấn Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1966 (11 cuốn) [tái bản từ bản Thượng Hải thương vụ ấn thư quán 1934, nguyên bản do Thanh Sử Quán lưu trữ].
嘉慶重修一統志, 五百六十卷, 穆彰阿-李佐賢監修, 道光二十二年. 臺灣商務印書館影印本, 1966 (11 巨冊).
16. *Quảng Đông thông chí, 334 quyển* (Thanh), Nguyễn Nguyên giám tu, Trần Xương Tề tổng toàn, khắc in lần đầu năm Đạo Quang thứ 2 (1822), Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1959 (4 cuốn).
廣東通志, 三百三十四卷(清), 阮元監修, 陳昌齊總纂, 道光二年一次刻版. 臺灣中華書局印行, 1959 (四冊).
17. *Quỳnh Châu phủ chí, 44 quyển*, Long Bản bổ san, Quang Tự thứ 16 (1890), Lữ Đài Hải Nam đồng hương hội ảnh ấn bản, không ghi năm (5 cuốn).
瓊州府志(四十四卷), 隆斌補刊, 光緒十六年, 旅臺海南同鄉會影印版(五冊).
18. *Hán Đường địa lý thư sao* (Thanh), Vương Mô tập, Trung Hoa thư cục ảnh ấn, Bắc Kinh, 1961.
漢唐地理書鈔(清), 王謨輯, 中華書局影印, 北京, 1961
19. *Đôn Hoàng thạch thất địa chí tàn quyển khảo thích*, Trung Hoa học thuật tùng thư, Vương Trọng Lạc trứ, Trịnh Nghi Tú chỉnh lý, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1993.
敦煌石室地志殘卷考釋, 中華學術叢書, 王仲榮著-鄭宜秀整理, 上海古籍出版社, 1993.
20. *Hoa Dương quốc chí, 12 quyển* (Tấn), Thường Cừ soạn, bản in Tứ bộ bị yếu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.
華陽國志, 十二卷(晉), 常璩撰, 四部備要本, 臺灣中華書局, 1965.
21. *Võ bị chí, 240 quyển* (Minh), Mao Nguyên Nghi soạn, bản in Đại Bản thư phòng (Nhật Bản) trong niên hiệu Khoan Chính (1789-1800). [Tham khảo các quyển 189-203: Phương dư, quyển 209-218: Hải phòng].
武備志, 二百四十卷(明), 茅元儀輯, 日本寬政重脩, 大阪書坊印版.

22. *Lĩnh Hải dư đồ* (Minh), Diêu Ngu soạn, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1937, [Lĩnh Hải là biệt danh của Quảng Đông].
嶺海輿圖(明), 姚虞撰, 商務印書館, 上海, 1937.
23. *Quảng Đông tân ngữ, 28 quyển* (Thanh), Khuất Đại Quân soạn, bản in Mộc Thiên Các năm Khang Hy thứ 39 (1700).
廣東新語, 二十八卷(清初), 屈大均撰, 康熙庚辰, 木天閣刻本 (1700).
24. *Quảng Đông khảo cổ tập yếu, 46 quyển* (Thanh), Châu Quảng-Trịnh Nghiệp Hoàng-Trịnh Nghiệp Sùng-Nguy Hằng tập, Hoàn Độc thư ốc san hành, năm Quang Tự thứ 19 (1893).
廣東考古輯要, 四十六卷(清), 周廣-鄭業煌-鄭業崇-魏恆同輯, 光緒十九年癸巳歲春開雕, 藏板還讀書屋.
25. *Trịnh Khai Dương tạp trứ, 11 quyển* (Minh), Trịnh Nhược Tăng soạn, bản Văn Uyên Các-Tứ khố toàn thư, năm Càn Long thứ 46 (1781).
鄭開陽雜著, 十一卷(明), 鄭若曾撰, 四庫全書文淵閣本(乾隆四十六年).
26. *Lịch đại châu vực hình thế, 9 quyển* (Thanh), Cố Tổ Vũ soạn, Lạc Thiên xuất bản xã, Đài Bắc, 1973.
歷代州域 形勢, 九卷(清), 顧祖禹撰, 樂天出版社, 臺北, 1973.
27. *Độc sử phương dư kỷ yếu, 130 quyển; Dư đồ yếu lãm, 4 quyển* (Thanh), Cố Tổ Vũ soạn, Lạc Thiên xuất bản xã, Đài Bắc, 1973 (6 cuốn).
讀史方輿紀要, 一百三十卷-輿圖要覽, 四卷(清), 顧祖禹撰, 樂天出版社, 臺北, 1973 (六冊).
28. *Lịch đại diên cách đồ* (Thanh), Mã Trung Lân, bản in Kim Lăng Hoài Ninh phương nguyệt thự, Đồng Trị năm thứ 10 (1871).
歷代沿革圖(清), 馬徵麟撰, 同治十季刻于金陵懷寧方珩署檢.
29. *Hoàng triều trung ngoại nhất thống dư đồ, [bản tâm sách đề Đại Thanh nhất thống dư đồ] quyển Thủ, quyển Trung, 10 quyển Nam, 20 quyển Bắc*, Nghiêm Thụ Sâm soạn, Đồng Trị nhị niên (1863), Hồ Bắc phủ thự Cảnh Hoàn lâu khắc in và giữ bản khắc.
皇朝中外壹統輿圖, 三十一卷, 首一卷, 光祿大夫振威將軍兵部侍郎嚴樹森撰, 同治二年鐫, 板藏湖北撫署景桓樓.
30. *Càn Long phủ sảnh châu huyện đồ chí, 50 quyển* (1788), Hồng Lượng Cát soạn, Quang Tự ngũ niên (1879), Thọ Kinh Đường trùng san.
乾隆府廳州縣圖志, 五十卷(清), 洪亮吉撰, 道光緒五季春授經堂重刊.
31. *Lịch đại cương vực biểu* (Thanh), Đoàn Trường Cơ, trong Tứ bộ bị yếu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.
歷代疆域表(清), 段長基, 四部備要本, 臺灣中華書局, 1965.
32. *Lịch đại diên cách biểu* (Thanh), Đoàn Trường Cơ, trong Tứ bộ bị yếu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.
歷代沿革表(清), 段長基, 四部備要本, 臺灣中華書局, 1965.
33. *Quảng Châu lịch sử địa đồ tỉnh túy*, Trung Quốc đệ nhất lịch sử đương án quán - Quảng Châu thị đương án cục - Quảng Châu thị Việt Tú khu nhân dân chính phủ biên soạn, Trâu Ái Liên, Tiêu Kính Vinh chủ biên, Trung Quốc đại bách khoa toàn thư xuất bản xã, Bắc Kinh, 2003.
廣州歷史地圖精粹, 中國第一歷史檔案館, 廣州市檔案局, 廣州市越秀區人民政府編著, 鄒愛蓮, 肖敬榮主編, 中國大百科全書出版社, 北京, 2003.
34. *Cổ kim đồ thư tập thành - Địa đồ, [cuốn 101]* (Thanh), Trần Mộng Lôi-Tưởng Đình Tích chủ biên (1706), Văn Tinh thư điểm ảnh ấn, Đài Bắc, 1964.
古今圖書集成-地圖[第一百〇一卷](清), 陳夢雷-蔣廷錫重撰, 成書康熙四十五年. 文星書店出版, 臺北, 1964.
35. *Ngọc hải, 204 quyển* (Tống), Vương Ứng Lân soạn, Đài Loan hoa văn thư cục ảnh ấn [theo bản in thời Nguyên cất tại Quốc Lập trung ương đồ thư quán (Đài Bắc)], 1964.
玉海, 二百〇四卷(宋), 王應麟撰, 臺灣華文書局影印, 國立中央圖書館藏元刊本 (1964).
36. *Tứ khố toàn thư giản minh mục lục* (Thanh), năm Càn Long thứ 47 (1782), Vĩnh Dung chủ biên, Tảo Diệp sơn phòng thạch ấn bản, 1919.
四庫全書簡明目錄(清), 乾隆四十七年, 永瑤總裁, 民國八年, 掃葉山房校刊.

Thư tịch hiện đại

37. Cát Bộ Luân biên tập-Cát Tuân Lễ hiệu đính, *Địa lý khái luận, 5 quyển*, Thượng Hải hội văn đường xuất bản, Dân Quốc lục niên (1917).
葛綽綸編輯-葛遵禮校訂, 地理概論, 五卷, 上海會文堂出版, 民國六年[四年首次出版].

38. Vương Dung, *Trung Quốc địa lý đồ tịch từng khải*, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1947.
王庸, 中國地理圖籍叢考, 商務印書館, 上海, 1947.
39. Hà Mẫn Cầu-Trần Nhĩ Thọ-Trình Lộ, *Trung Quốc địa lý khái luận*, Chính trung thư cục, Đài Bắc, 1954.
何敏求-陳爾壽-程潞, 中國地理概論, 正中書局, 臺北, 1954.
40. Trần Chính Tường, *Trung Quốc phương chí đích địa lý học giá trị*, Luận văn Tiến sĩ, 17/2/1965, Hương Cảng Trung Văn đại học.
陳正祥, 中國方志的地理學價值, 17/2/1965, 香港中文大學出版.
41. Cheng-siang Chen “Geographical Evaluation of the Chinese Fang-chih”, Inaugural Address delivered by Prof. C. S. Chen, D.Sc. at the City Hall, February 17, 1965, under the Chairmanship of Dr. C. M. Li, Vice-Chancellor of the University.
42. Sa Học Tuấn, *Địa lý học luận văn tập*, Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1972.
沙學浚, 地理學論文集, 臺灣商務印書館發行, 1972.
43. Lâm Diễm Kinh, *Trung Quốc địa phương chí*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1996.
林衍經, 中國地方志, 上海古籍出版社, 1996.
44. Phương Thi Minh, *Trung Quốc lịch sử kỷ niên biểu*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1980.
方詩銘, 中國歷史紀年表, 上海辭書出版社, 1980.
45. Trần Khánh Kỳ, *Trung Quốc đại sự niên biểu*, Thương vụ ấn thư quán, Hương Cảng, 1964 [tái bản từ bản in lần đầu năm 1934].
陳慶麒, 中國大事年表, 商務印書館, 香港, 1964 [首次出版 1934].
46. Lưu Hoảng Huyền, *Trung Quốc cương vực sử*, Vũ Hán xuất bản xã, 1995.
劉宏煊, 中國疆域史, 武漢出版社, 1995.
47. Trình Quang Dũ-Từ Thánh Mô, *Trung Quốc lịch sử địa đồ tập*, Trung Hoa văn hóa xuất bản sự nghiệp ủy viên hội, Đài Bắc, 1955 (2 cuốn).
程光裕-徐聖謨, 中國歷史地圖集, 中華文化出版事業委員會出版, 臺北, 1955 (二冊).
48. Quách Mạt Nhược chủ biên, *Trung Quốc sử cảo địa đồ tập*, Địa đồ xuất bản xã, Thượng Hải, 1980 (2 cuốn).
郭沫若主編, 中國史稿地圖集, 地圖出版社, 上海, 1980 (二冊).
49. Đàm Kỳ Tương chủ biên, *Trung Quốc lịch sử địa đồ tập*, Địa đồ xuất bản xã, Thượng Hải, 1982 (8 cuốn).
譚其驤主編, 中國歷史地圖集, 地圖出版社, 上海, 1982 (八冊).
50. Tư Đồ Thượng Kỷ chủ biên, *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập*, Quảng Đông lịch sử địa đồ tập biên ủy hội, Quảng Đông tỉnh địa đồ xuất bản xã, Quảng Châu, 1995.
司徒尚紀主編, 廣東歷史地圖集, 廣東歷史地圖集編委會, 廣東省地圖出版社, 廣州, 1995.
51. Nhóm tác giả, *Trung Quốc tri thức địa đồ sách*, Sơn Đông tỉnh địa đồ xuất bản xã, Tế Nam, 2009.
中國知識地圖冊, 山東省地圖出版社, 濟南, 2009.
52. Tang Lệ Hòa và nhóm tác giả, *Trung Quốc cổ kim địa danh đại từ điển*, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1944.
臧勵蘇等編, 中國古今地名大辭典, 商務印書館, 上海, 1944.
53. Trịnh Thiên Đĩnh-Ngô Trạch-Dương Chí Cửu chủ biên, *Trung Quốc lịch sử đại từ điển*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 2000.
鄭天挺-吳澤-楊志玖主編, 中國歷史大辭典, 上海辭書出版社, 2000.
54. Đàm Kỳ Tương chủ biên, *Trung Quốc lịch sử đại từ điển-Lịch sử Địa lý*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1997.
譚其驤主編, 中國歷史大辭典-歷史地理, 上海辭書出版社, 1997.
55. Hạ Chính Nông chủ biên, *Đại Từ hải-Trung Quốc cổ đại sử quyển*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 2008.
夏征農主編, 大辭海-中國古代史卷, 上海辭書出版社, 2008.
56. Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục biên tập ủy viên hội biên, *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục, Sử bộ 10 quyển*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1991.
中國古籍善本書目, 史部十卷, 上海古籍出版社, 1991.
57. Thiệu Ý Thần soạn, Thiệu Chương bổ, *Tăng đính Tứ khố giản minh mục lục tiêu chú*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1959, 1963, 1979, 2000.
邵懿辰撰-邵章續錄, 增訂四庫簡明目錄標注, 上海古籍出版社, 1959, 1963, 1979, 2000.

Tư liệu ngoài Trung Hoa

1. Kishida Ginko [Ngạn Điền Ngâm Hương (Quốc Hoa)], *Thanh quốc địa chí* (Hòa văn), bản in Minh Trị Tân Tự (1881), Đông Kinh lạc thiện đường (3 cuốn).
清國地志, 岸田吟香(國華), 明治辛巳刻於東京樂善堂(上, 中, 下三册).
2. Naito Konan [Nội Đằng Hồ Nam (Hồ Thứ Lang)], *Trung Quốc sử thông luận*, nguyên tác Hòa văn (1920-1930), [bản Trung văn do Hạ Ứng Nguyên giám dịch, Xã hội khoa học văn hiến xuất bản, Bắc Kinh, 2002/ 中國史通論, 內藤湖南(虎次郎) 和文. 夏應元中文監譯, 社會科學文獻出版社, 北京, 2002].
3. Joseph Needham, *Science and Civilisation in China* - 3, Cambridge at the University Press, 1959.
4. Joseph Needham-Colin A. Ronan, *The Shorter Science and Civilisation in China* - 2, Cambridge at the University Press, 1986.
[李约瑟原著-柯林罗南改编, 中华科学文明史, 上海交通大学科学史系译, 江晓原策划(鈕卫星, 郑燕, 商伟明译, 关曾建校), 上海人民出版社, 2002].
5. Albert Herrmann, *An historical atlas of China*, Aldine Publishing Company Chicago, Netherlands, 1966.
6. Jonathan D. Spence, *The Search for Modern China*, Copyright Notice exactly in USA Edition, 1999. [史景遷著, 追尋現代中國, 溫洽湜譯時報文化出版, 臺北, 2001].
7. Phạm Kim Hùng, “Đi tìm sự thật về lịch sử hai quần đảo ở biển Đông”; “Một số nhận xét về sách và bản đồ cổ Trung Quốc”, www.biengioilanhtho.gov.vn
8. Phạm Hoàng Quân, “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1 (84). 2011, tr. 44-88.
9. Phạm Hoàng Quân, “Những ghi chép về vùng biển Quảng Đông (Trung Hoa) và biển Đông (Việt Nam) trong *Đại Thanh thực lục* đối chiếu *Đại Nam thực lục*”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 2 (85). 2011, tr. 49-74.

TÓM TẮT

Trong kho tàng thư tịch cổ Trung Hoa, phương chí là loại sách lịch sử địa lý chứa đựng những thông tin bách khoa, biên chép rõ và cụ thể về các đơn vị hành chính, quá trình thay đổi tên gọi, tách nhập đất đai, về sông núi thành trấn, đường sá thủy bộ, các dữ liệu về kinh tế, văn hóa, nhân vật... Vì thế, phương chí đóng vai trò rất quan trọng trong việc tìm hiểu về cương vực của Trung Quốc với các nước có đường biên giới lân cận trong lịch sử.

Khảo chứng các loại phương chí được biên soạn từ thời nhà Đường cho đến nhà Thanh cho thấy cương vực, không gian vùng biển phía cực nam của Trung Quốc chưa bao giờ vượt quá huyện Nhai của tỉnh Hải Nam ngày nay. Riêng việc xác định chủ quyền trong lịch sử đối với các nơi trên biển Đông, hoàn toàn không có một sự ghi nhận nào trong các loại phương chí lẫn chính sử thể hiện sự quản lý hành chính của các triều đại Trung Hoa đối với Tây Sa và Nam Sa, là những nơi mà trong các loại thư tịch đồng dạng, Việt Nam đã ghi nhận bằng tên Hoàng Sa và Trường Sa.

ABSTRACT

SUM-UP OF NOTES CONCERNING THE EAST SEA (VIETNAM) IN CHINESE GEOGRAPHIC HISTORY BOOKS

In the ancient bibliographic treasure of China, geographic history books contain encyclopedic information relating to administrative divisions, process of changing geographical names, land separation and combination, rivers and mountains, cities and towns, roads and waterways, data of economy, culture and personalities, etc... So they plays a very important role in learning about the borders of China and its neighboring countries in history.

Evidences from various geographic history books compiled from the Tang Dynasty to the Qing Dynasty show that the maritime boundary in southernmost China has never been beyond Nhài district of Hainan province. Particularly, about the determination of sovereignty on the East Sea, there hasn't been any recognition of Chinese control over Tây Sa and Nam Sa, or Hoàng Sa and Trường Sa (Paracel islands and Spratly islands) called by similar Vietnamese books, found in both geographic history books and other history records of China.